TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-ST
Ngày 12/5/2025
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; hợp đồng mượn tài sản"*

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI, TỈNH NINH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thành và bà Võ Thị Thơ

- ***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Bùi Thanh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 254/2024/TLST- DS ngày 02 tháng 12 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Hợp đồng mượn tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST-DS ngày 02/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty CP S1 Có Ngay.
Địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – Chức vụ: Giám đốc Công ty CP S1 Có Ngay.
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1996 – Nhân viên Công ty CP S1 Có Ngay (theo Giấy uỷ quyền số: 94/2023/UQ-SVN ngày 13 tháng 10 năm 2023 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Võ Hồng Q, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 10/2023 ông Võ Hồng Q có đến Công ty TNHH S2, chi nhánh P (Nay là Công ty CP S1 Có Ngay) để ký hợp đồng cầm cố tài sản số NJM2310010NA22X. Tài sản cầm cố là xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, mang biển số 85C1-558.24, số khung: RLCUG1210NY067219, số máy: G3M5E131431, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 001147, do Công an

xã N cấp ngày 14/8/2023, để vay số tiền 15.070.500đồng, lãi suất 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế, lãi suất quá hạn 150% mức lãi suất cầm cố, thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ tháng 10/2023 đến tháng 10/2024), phương thức thanh toán theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng thanh toán số tiền gốc và lãi là 1.390.285 đồng.

Ông Võ Hồng Q đã nhận đủ số tiền 15.070.500 đồng *(Mười lăm triệu, không trăm bảy mươi nghìn, năm trăm đồng)* theo hợp đồng cầm cố tài sản số NJM2310010NA22X và ký Giấy ủy quyền cho Công ty S1 được thay mặt ông *"quản lý, sử dụng, định đoạt (cho thuê, bán) chiếc xe mang biển số* 85C1-558.24*"*. Do không có phương tiện đi lại nên cùng ngày ông Võ Hồng Q đã ký Giấy mượn xe với Công ty S1 để mượn lại chiếc xe 85C1-558.24 đã được cầm cố, thời hạn mượn là 30 ngày (từ tháng 10/2023 đến tháng 11/2023), địa điểm trả xe là Chi nhánh P của Công ty, phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 587.750 đồng/ tháng (nếu ông Q thanh toán đúng hạn phí bảo dưỡng và hao mòn xe là 437.045 đồng/ tháng), phí thu hồi, xử lý tài sản cầm cố là 1.000.000 đồng. Công ty S1 đồng ý và đã giao tài sản cầm cố là chiếc xe cho ông Q quản lý, sử dụng trong thời hạn nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vào các ngày 20/11/2023, 17/01/2024, 13/3/2024 ông Q đã thanh toán cho Công ty số tiền 5.990.000 đồng (Trong đó: tiền gốc 3.502.924 đồng; tiền lãi 459.202 đồng; phí quản lý hồ sơ 208.728 đồng; vi phạm hợp đồng 327.167 đồng; phí mượn xe 1.491.980 đồng). Ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ ngày 19/12/2023, do ông Q không thực hiện việc thanh toán nên Công ty đã áp dụng lãi suất quá hạn trên dư nợ thực tế đối với khoản vay của ông Q. Công ty S1 đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và cử nhân viên đến gặp trực tiếp ông Võ Hồng Q yêu cầu ông thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng cầm cố đã ký hoặc bàn giao tài sản cầm cố đã mượn lại của Công ty nhưng ông Q đều lẫn tránh, không hợp tác.

Tại phiên toà hôm nay nguyên đơn xin rút lại yêu cầu buộc ông Q phải giao trả lại chiếc xe hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, mang biển số 85C1-558.24 cho Công ty CP S1 Có Ngay.

Nguyên đơn chỉ yêu cầu Toà án giải quyết những yêu cầu sau:

- Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Hồng Q phải thanh toán cho công ty số tiền tạm tính đến ngày 12/5/2025 là 14.277.165 đồng (Trong đó: Tiền gốc 11.567.576 đồng; T lãi trong hạn 649.677 đồng; lãi suất quá hạn 2.059.911 đồng.

Yêu cầu ông Q phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo hợp đồng cầm cố tài sản số NJM2310010NA22X kể từ ngày 13/5/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Bị đơn ông Võ Hồng Q: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông Q không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

- Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng tại phiên tòa hôm nay vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự là thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Các điều: 309, 310, 311, 313, 316, 463, 466, 468, 497 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ đối với các yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút và chấp nhận các yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết*: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Hợp đồng mượn tài sản"* theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] *Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt hợp lệ cho ông Q. Ông Q không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự theo quy định của pháp luật nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án. Ông Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa lần thứ hai, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[1.3] Về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút lại yêu cầu buộc ông Q phải giao trả lại chiếc xe hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, mang biển số 85C1-558.24. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đã nêu trên.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng: Tháng 10/2023, ông Võ Hồng Q có ký với Công ty TNHH S2, chi nhánh P (nay là Công ty Cổ phần S1 Có Ngay) phiếu đăng ký cầm cố xe máy; hợp đồng cầm cố số NJM2310010NA22X (kèm theo phụ lục hợp đồng cầm cố); thông qua Hợp đồng, Công ty cổ phần S1 Có Ngay đã giải ngân cho ông Q số tiền: 15.070.500đồng và Công ty nhận bảo đảm khoản tiền vay đã giải ngân thông qua việc cầm cố chiếc xe hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, mang biển số 85C1-558.24, số khung RLCUG1210NY067219, số máy G3M5E131431 do ông Q đứng tên chủ sở hữu. Đồng thời, ông Q có ký giấy mượn lại chiếc xe nêu trên và được phía Công ty chấp nhận.

Xét thấy, Hợp đồng cầm cố và mượn xe được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay bị ép buộc nên đây là hợp đồng hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về nội dung hợp đồng cầm cố:

Công ty Cổ phần S1 có đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ; tại khoản 4 Điều 3 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy *định "Kinh doanh dịch vụ cầm đồ, gồm: Kinh doanh dịch vụ cho vay tiền mà người vay tiền phải có tài sản hợp pháp mang đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ để cầm cố".*

Điều 309 của Bộ luật Dân sự quy định "*Cầm cố tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (sau đây là gọi là bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ".*

Công ty S1 và ông Q giao kết hợp đồng cầm cố tài sản số NJM2310010NA22X, tại Điều 2 của hợp đồng quy định: *"SVN đồng ý nhận tài sản cầm cố của K hàng và cho Khách hàng cầm cố số tiền là 15.070.500đồng"*.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác định: Mặc dù hình thức của hợp đồng số NJM2310010NA22X là hợp đồng cầm cố tài sản nhưng nội dung của hợp đồng là thỏa thuận về việc Công ty S1 cho ông Q vay số tiền 15.070.500đồng và việc ông Q cầm cố chiếc xe YAMAHA, loại xe EXCITER, mang biển số 85C1-558.24 cho Công ty S1 thông qua hợp đồng này là phương thức bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ đã vay. Nội dung hợp đồng có thỏa thuận về mức lãi suất 1,1%/ tháng, lãi chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn và các loại phí khác, các khoản thu này được tính theo mức %/tháng/dư nợ thực tế; cho thấy, công ty S1 đã dùng

nhiều thuật ngữ khác nhau để tính lãi, phí và phạt hợp đồng nhằm mục đích thu lãi từ việc cho vay và việc ông Q cầm cố xe máy để nhận tiền và viết giấy mượn lại xe để dùng làm phương tiện đi lại thực chất là để che đậy mục đích giao dịch thật sự giữa hai bên là vay tiền có tính lãi. Vì vậy, có cơ sở xác định hợp đồng giữa các bên là: Hợp đồng vay có cầm cố tài sản và hợp đồng mượn tài sản.

Công ty S1 đã giải ngân đủ số tiền cho ông Võ Hồng Q theo Hợp đồng số NJM2310010NA22X tháng 10/2023. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q chỉ thanh toán được một phần tiền cho nguyên đơn nên đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 và Điều 311 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu ông Võ Hồng Q có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 11.567.576 đồng là phù hợp, nên chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi: Theo nội dung của Hợp đồng số NJM2310010NA22X tháng 10/2023, các bên thỏa thuận thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày tháng 10/2023 đến hết tháng 10/2024, lãi suất cố định là 1.1%/tháng trên dự nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; lãi quá hạn tương ứng 150% lãi suất trong hạn. Hàng tháng ông Q có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc và lãi là 1.390.285 đồng. Ông Q đã thanh toán được số tiền 5.990.000 đồng cho Công ty mà không có ý kiến hay khiếu nại gì. Kể từ ngày 19/12/2023, ông Q đã không thực hiện đúng và đủ nghĩa vụ trả nợ theo như thỏa thuận trong hợp đồng cho Công ty S1; do vậy kể từ ngày 19/12/2023 Công ty đã chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Số tiền dư nợ gốc và lãi còn lại mà ông Q chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần S1 Có Ngay tính đến ngày 12/5/2025 là 14.277.165 đồng (Trong đó, nợ gốc 11.567.576 đồng, nợ lãi trong hạn 649.677 đồng và lãi quá hạn là 2.059.911đồng). Căn cứ khoản 6 Điều 29 Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì yêu cầu tính lãi của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay là phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

Về xử lý tài sản cầm cố: Tại phụ lục hợp đồng cầm cố (kèm theo Hợp đồng cầm cố số NJM2310010NA22X tháng 10/2023) có quy định về việc xử lý tài sản cầm cố nhưng do nguyên đơn không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ các phân tích như trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay về việc buộc ông Võ Hồng Q phải trả số tiền còn nợ tính đến ngày 12/5/2025 là 14.277.165 đồng (Trong đó, nợ gốc 11.567.576 đồng, nợ lãi trong hạn 649.677 đồng và lãi quá hạn là 2.059.911đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Q còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[2.3] Đối với hợp đồng mượn xe: Do nguyên đơn rút lại yêu cầu Tòa án

buộc ông Q trả lại xe nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Võ Hồng Q tham gia tố tụng nhưng ông Q vắng mặt. Do đó, ông Q đã tự bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 244, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 309, Điều 311, Điều 312, Điều 314, Điều 315, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay.

Buộc ông Võ Hồng Q phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S1 Tiền Có Ngay tổng số tiền tính đến ngày 12/5/2025 là 14.277.165 đồng (Trong đó, nợ gốc 11.567.576 đồng, nợ lãi trong hạn 649.677 đồng và lãi quá hạn là 2.059.911đồng. Kể từ ngày 13/5/2025 ông Võ Hồng Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc ông Võ Hồng Q phải giao trả lại chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA, loại xe EXCITER, mang biển số 85C1-558.24.

3. Về án phí:

3.1. Ông Võ Hồng Q phải chịu 713.858 đồng, làm tròn 714.000 đồng (*Bảy trăm mười bốn nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Công ty Cổ phần S1 Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại số tiền 508.000 đồng (*Năm trăm lẻ tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003944 ngày 19/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/5/2025). Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lan